

**ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO**

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ B15KDN_ TRỪ KHỎI KINH TẾ
TÊN HỌC PHẦN: KẾ TOÁN QUẢN TRỊ 1
MÃ HỌC PHẦN : ACC - 301

ĐỢT HỌC 4

TÍN CHỈ 2

Ngày thi: 14/11/2010

LẦN THI 1

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10		10		25				55	100			
1	152317483	Đặng Thị Mỹ	Nương	B15KDN	10		9		8.5				6.8	7.8	Baý pháp Taïm		
2	152327002	Nguyễn Thị Thục	Anh	B15KDN	10		8		8.5				9.3	9.0	Chên		
3	152327003	Nguyễn Thị Thanh	Bình	B15KDN	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
4	152327004	Trương Thị Thu	Bình	B15KDN	10		9		8.5				8	8.4	Taïm pháp Bắú		
5	152327007	Vũ Đình	Cân	B15KDN	10		7		8.5				6.8	7.6	Baý pháp Sầu		
6	152327009	Nguyễn Thị Phương	Chi	B15KDN	8		8		7				6	6.7	Sầu pháp Baý		
7	152327012	Trần Thị Bích	Diễm	B15KDN	8		8		8				7.3	7.6	Baý pháp Sầu		
8	152327013	Phan Thị Ngọc	Diệu	B15KDN	10		9		8.5				5.8	7.2	Baý pháp Hai		
9	152327016	Đoàn Mai	Duyên	B15KDN	6		7		7				5.8	6.2	Sầu pháp Hai		
10	152327017	Lê Thị Mỹ	Dương	B15KDN	10		8		7				4.5	6.0	Sầu		
11	152327019	Uông Ngọc	Diễm	B15KDN	7		7		8				9	8.4	Taïm pháp Bắú		
12	152327020	Đặng Quang	Đức	B15KDN	5		7		7.5				6.8	6.8	Sầu pháp Taïm		
13	152327021	Nguyễn Thị Hương	Giang	B15KDN	10		9		8				8.3	8.5	Taïm pháp Nàm		
14	152327022	Phạm Thị Lê	Giang	B15KDN	8		0		0				HP	0.0	Khăng		
15	152327026	Lê Thị Mỹ	Hạnh	B15KDN	10		9		8.5				8.8	8.9	Taïm pháp Chên		
16	152327027	Nguyễn Thị Bích	Hạnh	B15KDN	10		9		8				8.5	8.6	Taïm pháp Sầu		
17	152327030	Hoàng Thị Thúy	Hằng	B15KDN	8		8		8				7.5	7.7	Baý pháp Baý		
18	152327031	Huỳnh Lê Thị Thúy	Hằng	B15KDN	10		8		8.5				5.5	7.0	Baý		
19	152327032	Huỳnh Phan Khánh	Hằng	B15KDN	10		9		8.5				7.8	8.3	Taïm pháp Ba		
20	152327034	Huỳnh Thị Thu	Hiền	B15KDN	10		9		7.5				6.3	7.2	Baý pháp Hai		
21	152327037	Ninh Thị	Hiền	B15KDN	8		8		8				5.3	6.5	Sầu pháp Nàm		
22	152327040	Vũ Thị Thanh	Hiền	B15KDN	10		9		8.5				6.3	7.5	Baý pháp Nàm		
23	152327041	Nguyễn Thị Như	Hiếu	B15KDN	6		7		7				V	0.0	Khăng		
24	152327042	Nguyễn Thị Xuân	Hiếu	B15KDN	10		9		8.5				8.8	8.9	Taïm pháp Chên		
25	152327043	Hoàng Thị	Hòa	B15KDN	10		9		8.5				8.8	8.9	Taïm pháp Chên		
26	152327045	Hoàng Thị	Hoàn	B15KDN	6		7		7.5				2.5	0.0	Khăng		
27	152327046	Trương Thị Mỹ	Hồng	B15KDN	8		8		8.5				9.3	8.8	Taïm pháp Taïm		
28	152327047	Vũ Thị	Huế	B15KDN	10		9		8				4.8	6.5	Sầu pháp Nàm		
29	152327048	Lê Thị Kim	Huệ	B15KDN	10		9		8				8.5	8.6	Taïm pháp Sầu		
30	152327049	Mai Kim	Huệ	B15KDN	10		9		8.5				9.3	9.1	Chên pháp Mắú		
31	152327051	Đặng Thị	Huyền	B15KDN	10		9		8.5				9.5	9.3	Chên pháp Ba		
32	152327053	Nguyễn Quang	Hưng	B15KDN	10		9		8.5				4.8	6.7	Sầu pháp Baý		
33	152327054	Nguyễn Thị	Hương	B15KDN	10		9		8				6.8	7.6	Baý pháp Sầu		
34	152327055	Nguyễn Thị Lan	Hương	B15KDN	10		9		7				8.3	8.2	Taïm pháp Hai		
35	152327059	Nguyễn Tào	Khang	B15KDN	0		7		7				2.8	0.0	Khăng		
36	152327061	Nguyễn Thị	Lan	B15KDN	10		9		7.5				V	0.0	Khăng		
37	152327062	Lê Thị Hồng	Lê	B15KDN	10		9		8.5				6.8	7.8	Baý pháp Taïm		
38	152327063	Nguyễn Thị Thanh	Lê	B15KDN	8		8		8				7.8	7.9	Baý pháp Chên		
39	152327064	Phan Thị Hoàng	Lê	B15KDN	10		9		8.5				7.8	8.3	Taïm pháp Ba		
40	152327065	Trần Nguyễn Kỳ	Lê	B15KDN	0		0		0				HP	0.0	Khăng		

Ngày thi: 14/11/2010

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10		10		25				55	100			
41	152327066	Nguyễn Vũ Hạ	Liên	B15KDN	8		8		8.5			6.5	7.3	Báý pháý Ba			
42	152327067	Nguyễn Thị	Liều	B15KDN	10		9		8.5			7.3	8.0	Tầm			
43	152327068	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	B15KDN	10		9		7			7.8	7.9	Báý pháý Chên			
44	152327070	Đặng Thị	Lụa	B15KDN	10		9		8.5			9.3	9.1	Chên pháý Mắú			
45	152327076	Đặng Thị	Nga	B15KDN	10		9		8			6	7.2	Báý pháý Hai			
46	152327077	Đặng Thị Thanh	Nga	B15KDN	8		8		8			6.5	7.2	Báý pháý Hai			
47	152327078	Phạm Thị	Nga	B15KDN	10		9		7			4.8	6.3	Sầu pháý Ba			
48	152327079	Trần Thị Kim	Nga	B15KDN	10		9		8			7.8	8.2	Tầm pháý Hai			
49	152327080	Nguyễn Thị Thúy	Ngà	B15KDN	10		9		8			7	7.8	Báý pháý Tầm			
50	152327082	Phạm Dương Thu	Nguyệt	B15KDN	10		9		8.5			7.5	8.2	Tầm pháý Hai			
51	152327084	Võ Hoàng Thảo	Nhi	B15KDN	8		7		7			7	7.1	Báý pháý Mắú			
52	152327086	Đoàn Quỳnh	Nhung	B15KDN	8		8		8.5			8.5	8.4	Tầm pháý Bắú			
53	152327088	Võ Thị Tuyết	Nhung	B15KDN	8		9		8			7.8	8.0	Tầm			
54	152327089	Hồ Thị Hoàng	Oanh	B15KDN	0		0		0			HP	0.0	Khăng			
55	152327090	Đặng Thị Hồng	Phấn	B15KDN	10		9		8.5			8.8	8.9	Tầm pháý Chên			
56	152327091	Nguyễn Thị	Phương	B15KDN	10		9		8			3.5	0.0	Khăng			
57	152327092	Nguyễn Thị Nhật	Phương	B15KDN	7		7		7			7	7.0	Báý			
58	152327094	Nguyễn Thúy	Phượng	B15KDN	10		9		7			6.5	7.2	Báý pháý Hai			
59	152327097	Nguyễn Phạm Như	Quỳnh	B15KDN	10		9		8.5			8.8	8.9	Tầm pháý Chên			
60	152327098	Hồ Thị	Sen	B15KDN	5		7		7			HP	0.0	Khăng			
61	152327099	Nguyễn Thị Ngọc	Sương	B15KDN	10		9		8.5			8.3	8.6	Tầm pháý Sầu			
62	152327100	Nguyễn Thị	Tâm	B15KDN	10		9		8.5			9	9.0	Chên			
63	152327101	Phạm Trần Thị Hồng	Tâm	B15KDN	10		9		8.5			9.5	9.3	Chên pháý Ba			
64	152327103	Võ Thị Minh	Tâm	B15KDN	10		9		7			8.3	8.2	Tầm pháý Hai			
65	152327105	Cao Thị Mai	Thảo	B15KDN	10		7		7			6.8	7.2	Báý pháý Hai			
66	152327106	Hoàng Thị	Thảo	B15KDN	10		9		8.5			9.3	9.1	Chên pháý Mắú			
67	152327108	Phan Thị Thu	Thảo	B15KDN	10		9		8			9	8.9	Tầm pháý Chên			
68	152327111	Lê Thị	Thắm	B15KDN	10		9		8			9	8.9	Tầm pháý Chên			
69	152327113	Hà Thị	Thỏa	B15KDN	10		9		7			7.5	7.8	Báý pháý Tầm			
70	152327114	Phạm Thị	Thơ	B15KDN	10		9		8.5			7	7.9	Báý pháý Chên			
71	152327116	Dương Thị Bích	Thùy	B15KDN	8		8		8.5			5.5	6.8	Sầu pháý Tầm			
72	152327117	Thiều Thị	Thùy	B15KDN	10		9		7			8.8	8.5	Tầm pháý Nầm			
73	152327122	Nguyễn Thị	Thúy	B15KDN	10		9		8.5			9	9.0	Chên			
74	152327123	Võ Thị	Thư	B15KDN	10		9		8.5			8.8	8.9	Tầm pháý Chên			
75	152327125	Nguyễn Hoàng Đan	Thy	B15KDN	0		0		0			HP	0.0	Khăng			
76	152327127	Đinh Thị	Tím	B15KDN	10		9		8			8.3	8.5	Tầm pháý Nầm			
77	152327128	Đinh Ngọc Thùy	Trang	B15KDN	8		8		8			8.8	8.4	Tầm pháý Bắú			
78	152327129	Đoàn Thị	Trang	B15KDN	6		7		7			7.8	7.3	Báý pháý Ba			
79	152327130	Nguyễn Thị Hoài	Trang	B15KDN	10		9		8.5			7.5	8.2	Tầm pháý Hai			
80	152327133	Phan Thị Thảo	Trang	B15KDN	6		7		8.5			9	8.4	Tầm pháý Bắú			
81	152327134	Bùi Thị Chu	Trình	B15KDN	10		9		8			7.8	8.2	Tầm pháý Hai			
82	152327136	Đỗ Thị	Túy	B15KDN	8		8		8.5			6	7.0	Báý			
83	152327137	Lại Thị Kim	Tuyến	B15KDN	8		8		8.5			8.8	8.6	Tầm pháý Sầu			

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN				ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ B15KDN_TRỪ KHỐI KINH TẾ													
PHÒNG ĐÀO TẠO				TÊN HỌC PHẦN: KẾ TOÁN QUẢN TRỊ 1								ĐỢT HỌC		4			
				MÃ HỌC PHẦN : ACC - 301								TÍN CHỈ		2			
Ngày thi: 14/11/2010												LẦN THI		1			
ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10		10		25				55	100			
84	152327139	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	B15KDN	10		9		8.5				7.3	8.0	Tầm		
85	152327140	Phạm Thị	Tuyết	B15KDN	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
86	152327141	Hà Trần Phương	Uyên	B15KDN	10		9		8.5				8.8	8.9	Tầm pháp Chên		
87	152327143	Trịnh Thị	Vinh	B15KDN	8		7		7				7.5	7.4	Bay pháp Bấu		
88	152327144	Đỗ Thị Hà	Xuyên	B15KDN	8		7		8.5				8	8.0	Tầm		
89	152327145	Cao Thị Huỳnh	Yến	B15KDN	10		9		7				8.8	8.5	Tầm pháp Nàm		
90	152327147	Lê Thị	Yến	B15KDN	8		8		8				9.3	8.7	Tầm pháp Bay		
91	152337535	Nguyễn Thị Kim	Chi	B15KDN	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
92	152337654	Phan Thị Mỹ	Linh	B15KDN	10		9		7				6.3	7.1	Bay pháp Mầu		
93	152337667	Lê Sao	Mai	B15KDN	10		9		8				5.5	6.9	Sầu pháp Chên		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU				
STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	80	86%	
2	Số sinh viên nợ	13	14%	
TỔNG CỘNG :		93	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

TTĐT TỪ XA & T.XUYỀN
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 19 tháng 11 năm 2010
PHÒNG ĐÀO TẠO
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Kim Đức Nguyễn Thị Quỳnh Trang

TS. Hồ Văn Nhân

ThS. Nguyễn Hữu Phú